

Bản án số: 06/2020/HS- PT
Ngày: 15 - 01 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lượng

Các thẩm phán: Ông Trần Vĩnh Yên

Bà Nguyễn Thị Lê Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tín- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phan Hoàng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 232/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 8 năm 2019, đối với các bị cáo Phan Thế T và đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo Phan Thế T, Trần Văn G và bị đơn dân sự bà Nguyễn Thu H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 269/2019/HSST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Phan Thế T**, sinh năm 1954, tại Cần Thơ.

Nơi đăng ký NKTT: 206 lô B, Chung cư 43 H, phường X1, quận P, TP Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Số 32 L, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Phan Thế H, sinh năm 1932 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1934; Vợ: Nguyễn Thu H, sinh năm 1953; có 02 con sinh năm 1986 và năm 1987.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 11/3/2016, bị Phòng Cảnh sát đường thủy Công an tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Neo đậu phương tiện gây cản trở lưu thông.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 21/3/2016, chuyển giam theo Lệnh tạm giam số 59 ngày 30/3/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 29/3/2018, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa ra Quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn số 142/2018/HSST/QĐTĐBPNC thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo bị bắt tạm giam lại ngày 19/6/2019. Hiện nay đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hoà (bị cáo có mặt).

2. Họ và tên: **Trần Văn G**, sinh năm 1981, tại Sóc Trăng.

Nơi đăng ký NKTT: Ấp C, xã N, huyện M, Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: như trên; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn T, sinh năm 1951 và bà Võ Thị Đ, sinh năm 1953; Vợ: Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 1983; có 02 (hai) con sinh năm 2003, 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 21/3/2016, chuyển giam theo Lệnh tạm giam số 58 ngày 30/3/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 29/3/2018, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa ra Quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn số 142/2018/HSST/QĐTĐBPNC thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo bị bắt tạm giam lại ngày 19/6/2019. Hiện nay đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hoà (bị cáo có mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo T:**

+ Ông Trần Hải Đ, ông Huỳnh Tấn T1, ông Đỗ Quang T2, là Luật sư của Văn phòng luật sư Trần Hải Đ, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh; (Luật sư Đ có mặt, luật sư T1, Luật sư T2 vắng mặt)

Địa chỉ: 259A H, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Nguyễn Tấn T3, là Luật sư của Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: 18 đường P, phường 14, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

*** Người bào chữa cho bị cáo G:**

+ Ông Nguyễn Khánh T4, là Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Khánh T4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng;

Địa chỉ: Số 9 đường P, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

+ Bà Ngô Huỳnh Phương T5, là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Z thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: 367/2 D9, phường 26, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

*** Bị hại:**

Tổng Công ty Đ Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Tá T6, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số 118, đường, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng T7, sinh năm 1966;

Địa chỉ: 1A L, phường 3, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền ngày 30/3/2018 và 17/4/2019). (có mặt)

*** Nguyên đơn dân sự:**

1. Công ty cổ phần V Sài Gòn.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Trần Bắc H1 sinh năm 1971;

Địa chỉ: 136 đường H, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền ngày 27/02/2018). (có mặt)

- Ông Mai Thế M, sinh năm 1967;

Địa chỉ: 39/20/12/12, đường số 10, khu phố 3, phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền ngày 23/3/2018). (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Công ty cổ phần V Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bình M, sinh năm 1962;

Địa chỉ: 65A, đường số 19, khu phố 5, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền ngày 29/3/2019). (vắng mặt)

3. Công ty cổ phần V.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Mỹ P, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 183, Ngõ 48, M, H, Hà Nội.

(Theo giấy ủy quyền ngày 26/02/2018). (vắng mặt)

4. Công ty cổ phần Đ2.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn T, phường X, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền ngày 23/3/2018). (có mặt).

*** Bị đơn dân sự:**

1. Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số 206 lô B, chung cư 43, đường H, phường X1, quận P, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty cổ phần T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Uông Nhật P, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn T, phường X, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Công ty cổ phần C.

Địa chỉ: Số 48, đường C, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị H2, Chức vụ: Giám đốc. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. V Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 61, đường N, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H3;

(Theo giấy ủy quyền ngày 15/8/2016). (vắng mặt).

4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đ3.

Địa chỉ: Số 01, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện ủy quyền: Ông Lường Đình T2;

Địa chỉ: Chung cư T, đường C, khu phố 1, phường T, quận T1, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền ngày 18/6/2019). (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thê T cùng bà Nguyễn Thu H (vợ T) là đồng sở hữu: tàu kéo số hiệu SG-3745 (do T đứng tên trong giấy đăng ký phương tiện), công suất 205.0cv - Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và môi trường có hiệu lực đến ngày 16/12/2015; xà lan số hiệu SG-5984 (do bà H tên chủ phương tiện) tải trọng 980 tấn - Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và môi trường có hiệu lực đến ngày 30/7/2016. T là người trực tiếp quản lý, sử dụng tàu kéo số hiệu SG-3745 và xà lan số hiệu SG-5984 để kinh doanh vận tải.

Giữa tháng 02 năm 2016, T biết Trần Văn G không có bằng thuyền trưởng và Nguyễn Văn L không có chứng chỉ thủy thủ nhưng vẫn thuê G và L làm việc và giao cho G điều khiển tàu kéo số hiệu SG-3745 đẩy xà lan số hiệu SG-5984 chở hàng từ khu vực miền T lên khu vực tỉnh B, Đồng Nai và ngược lại.

Khoảng 08 giờ ngày 19/3/2016, tại địa phận tỉnh L, T giao G điều khiển tàu kéo số hiệu SG-3745 đẩy xà lan số hiệu SG-5984 chở cát để đi đến tỉnh Đ, T thuê L giúp việc cho G trên tàu, nhưng không bố trí đủ định biên thuyền viên trên tàu kéo và xà lan theo quy định.

Khoảng 11 giờ 30 ngày 20/3/2016, G điều khiển tàu kéo số hiệu SG-3745 đẩy xà lan số hiệu SG-5984 chở cát lưu thông hướng cầu B (hạ nguồn) – cầu H (thượng nguồn) đến khu vực Cầu Đ (cầu G) thuộc địa phận thành phố B, tỉnh Đ. Cầu Ghềnh được cấu tạo gồm: 02 mố (mố Bắc ở xã H, mố Nam ở phường B); 03 trụ số 1, số 2, số 3 (tính theo hướng H – B) xây bằng đá cao 17m40; 04 nhịp dầm thép mạ cong mỗi nhịp dài 55m90, khu vực dòng sông cách cầu G về phía hạ nguồn 650m có 01 bãi đá ngầm kích thước khoảng 45m x 100m, bãi đá ngầm cách bờ H 65m, trên mặt sông có bố trí các phao tiêu tạo nên một luồng cho tàu thuyền lưu thông qua lại rộng từ 30m đến 40m. Khi tàu kéo số hiệu SG-3745 đẩy xà lan số hiệu SG-5984 cách cầu G khoảng 50m, thủy triều đang lên mạnh, dòng chảy xoáy và mạnh theo hướng hạ nguồn – thượng nguồn. Do G không có bằng thuyền trưởng theo quy định nên G không biết cách đưa phương tiện qua khoang thông thuyền của cầu G một cách an toàn, nên G tăng ga tàu kéo số hiệu SG-3745 để đẩy xà lan số hiệu SG-5984 dự định qua khoang thông thuyền giữa trụ cầu số 1 và trụ cầu số 2 của cầu G, thì tàu bị chết máy. Lúc này, trên tàu

không bố trí thuyền viên phụ trách máy (máy trưởng, máy phó, thợ máy), nên G bỏ vị trí lái xuống hầm máy để khởi động lại máy, xà lan quay ngang. Khi máy nổ, G quay lại buồng lái, xà lan số hiệu SG-5984 đã trôi tới gần trụ cầu số 2, G kêu L nhảy sang xà lan tháo dây cột giữa tàu kéo với xà lan nhằm cứu tàu kéo, nhưng L chưa tháo hết dây thì thành bên trái xà lan số hiệu SG-5984 đã va chạm với mặt ngoài trụ cầu số 2 của cầu G làm trụ cầu số 2, nhịp số 2 và nhịp số 3 bị gãy sập xuống sông, chìm tàu kéo số hiệu SG-3745 và lật xà lan số hiệu SG-5984. G và L nhảy xuống sông bơi vào bờ.

Tại biên bản hiện trường ngày 20/3/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai ghi nhận và thể hiện trong cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà.

*Tại Kết luận định giá tài sản số: 233/STC-HĐĐGTSTTHS ngày 14/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã kết luận: Giá trị tài sản thiệt hại của cầu Đ (cầu G) là 14.232.176.135đ (Mười bốn tỷ, ba trăm hai mươi ba triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm ba mươi lăm đồng).

*Tại kết luận giám định số: 1332/C54B ngày 09/5/2016 của Phân viện Khoa học kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận và thể hiện trong cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà)

*Tại Kết luận giám định ngày 29/4/2016 của Chi cục đăng kiểm số 6, kết luận về tình trạng an toàn kỹ thuật của phương tiện SG-5984 trước khi xảy ra tai nạn đã thể hiện trong cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà.

Tại Công văn số 03/KTTV/ĐN ngày 06/01/2016 của Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Đồng Nai về việc xác định mực nước và tốc độ dòng chảy vào lúc 11 giờ 45 phút ngày 27/12/2016 đã thể hiện trong cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà.

***Về vật chứng và tài sản thu giữ:**

Vật chứng thu giữ:

- 01 xà lan số hiệu SG-5984: Chiều dài thiết kế 42,350m; chiều rộng thiết kế 12,00m; chiều cao mạn 3,300m; Chiều dài lớn nhất 42,830m; chiều rộng lớn nhất 12,230m; chiều chìm 2,900m bằng vật liệu thép; mặt ngoài thành bên trái bị trượt xước cong biến dạng; phía trên thành phải bị trượt, rách cong biến dạng.

- 01 tàu kéo số hiệu SG-3745: Chiều dài thiết kế 15m; chiều rộng thiết kế

3,10m; chiều cao mạn 1,90m; Chiều dài lớn nhất 17m, chiều rộng lớn nhất 3,10m, bằng vật liệu vỏ gỗ (đã bị hư hỏng), có dấu vết gãy, vỡ phía trước tàu.

- 04 nhịp dầm thép mạ cong, chiều dài mỗi nhịp là 55m90 đã bị cong biến dạng hư hỏng do tai nạn giao thông.

Tài liệu liên quan thu giữ:

- 01 giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 8172 mang tên chủ phương tiện là Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ: 206 Chung cư 43, H, quận P, TP Hồ Chí Minh.

- 01 Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số 07622/12V50 mang tên Nguyễn Thu H, địa chỉ: 206 Chung cư 43, H, quận P, TP Hồ Chí Minh.

- 01 biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa số 4433 ngày 17/10/2014 và 01 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4108 ngày 17/10/2014 của Phòng cảnh sát giao thông đường thủy tỉnh T đối với Phan Thế T.

- 01 Báo cáo kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy nội địa số kiểm soát VR70009143 chủ phương tiện Nguyễn Thu H.

- 01 bản photo giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số 06303/15V50 mang tên Phan Thế T, địa chỉ: 206 Lô B CC - 43, H, quận P, TP Hồ Chí Minh.

- 01 Giấy tem đăng kiểm số KS: VR70009134 có hiệu lực đến ngày 16/12/2014.

- 01 Giấy tem đăng kiểm số KS: VR07013165 có hiệu lực đến ngày 30/7/2015.

- 01 biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa số 0007660 quyền số 000154 ngày 04/3/2016 của Phòng Cảnh sát đường thủy Công an tỉnh Đ lập đối với Phan Thế T về hành vi: Neo đậu phương tiện gây cản trở lưu thông.

- 01 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa số 0002388 quyền số 000048 ngày 11/3/2016 của Phòng Cảnh sát đường thủy Công an tỉnh Đ lập đối với Phan Thế T.

- 01 bằng thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa, hạng nhì, họ và tên Phan Thế T, nơi thường trú: 206 Lô B CC - 43, H, quận P, thành phố Hồ Chí

Minh, số bằng 03854.CC.T2 cấp ngày 30/5/2013.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Tổng Công ty Đ yêu cầu bồi thường đối với tài sản thiệt hại là cầu G và thiệt hại do chậm tàu, tổng cộng là 16.937.355.135đ.

- Công ty cổ phần V1 yêu cầu bồi thường thiệt hại do sập cầu G làm ảnh hưởng đến vận chuyển hành khách, hàng hóa và các thiệt hại khác, tổng cộng là 12.790.447.641đ.

- Công ty cổ phần V2 yêu cầu bồi thường thiệt hại do sập cầu G làm ảnh hưởng đến vận chuyển hành khách, hàng hóa và các thiệt hại khác, tổng cộng là 4.738.467.732đ.

- Công ty cổ phần V3 yêu cầu bồi thường thiệt hại do sập cầu G làm ảnh hưởng đến vận chuyển hàng hóa và các thiệt hại khác, tổng cộng là 4.068.328.000đ.

- Công ty cổ phần Đ1 yêu cầu bồi thường thiệt hại do sập cầu G gây ra thiệt hại cho Công ty, tổng cộng là 171.968.310đ.

- Công ty cổ phần T; Công ty cổ phần C; V Đồng Nai, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D3 không yêu cầu bồi thường.

Bà Nguyễn Thu H (vợ T) tự nguyện giao nộp số tiền 30.000.000đ để bồi thường thiệt hại.

Quá trình tiến hành xét xử, bị cáo Trần Văn G có đơn xin nộp tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, số tiền là 3.000.000 đồng và được Tòa án chấp nhận.

*Tại Cáo trạng số: 189/CT/VKS-BH ngày 09 tháng 4 năm 2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, đã truy tố:

Phan Thê T về các tội “Đưa vào sử dụng các phương tiện giao thông đường thủy không bảo đảm an toàn”, quy định tại khoản 3 Điều 214 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường thủy”, quy định tại khoản 3 Điều 215 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Trần Văn G về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy", quy định tại khoản 3 Điều 212 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 269/2019/HSST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố thành phố Biên Hòa tuyên bố:

Bị cáo Phan Thế Tphạm các tội “Đưa vào sử dụng các phương tiện giao thông đường thủy không bảo đảm an toàn” và “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường thủy”;

Bị cáo Trần Văn Gphạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy".

Căn cứ vào khoản 3 Điều 214 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo : Phan Thế T **07 (bảy) năm tù** về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường thủy”.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 215 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo : Phan Thế T **07 (bảy) năm tù** về tội “Đưa vào sử dụng các phương tiện giao thông đường thủy không bảo đảm an toàn”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2, 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Buộc bị cáo Phan Thế T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **14 (mười bốn) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 6 năm 2019 (nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 21/3/2016 đến ngày 29/3/2018). Bắt, tạm giam bị cáo Phan Thế T ngay tại phiên tòa, sau khi tuyên án.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 212 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2, Khoản 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo: Trần Văn G **07 (bảy) năm tù về tội** "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy". Thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 6 năm 2019 (nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 21/3/2016 đến ngày 29/3/2018).Bắt, tạm giam bị cáo Trần Văn G ngay tại phiên tòa, sau khi tuyên án.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 587 và Điều 601 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Văn G, bị cáo Phan Thế T và bà Nguyễn Thu H liên đới bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty Đ1 số tiền là 14.232.176.000 đồng (làm tròn số).

Ngày 27/6/2019, bị cáo Trần Văn G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận đối với phần bồi thường dân sự.

Ngày 26/6/2019, bị cáo Phan Thế T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng nguyên nhân xảy ra vụ án là do Tổng công ty Đ1 đã vô trách nhiệm trong công tác quản lý và sử dụng hệ thống đường sắt, không thực hiện đại tu, sửa chữa theo quy định dẫn đến tai nạn xảy ra. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng và hành vi của mình chỉ đến mức bị xử phạt hành chính.

Ngày 03/7/2019, bị đơn dân sự bà Nguyễn Thu H kháng cáo không đồng ý bồi thường dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Phan Thế T và Trần Văn G bị cấp sơ thẩm truy tố, xét xử theo tội danh và hình phạt là có căn cứ. Hành vi gây ra của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng với số tiền 14.232.176.135 đồng (mười bốn tỷ, hai trăm ba mươi hai triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, một trăm ba lăm đồng).

Bị cáo T bị xét xử về hai tội “Đưa vào sử dụng các phương tiện giao thông đường thủy không bảo đảm an toàn”, quy định tại khoản 3 Điều 214 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường thủy”, quy định tại khoản 3 Điều 215 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Bị cáo G bị xét xử về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy" theo Khoản 3 Điều 212 Bộ luật hình sự 1999 là phù hợp. Hình phạt cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo T 14 (mười bốn) năm tù về hai tội và bị cáo G 07 (bảy) năm tù là phù hợp pháp luật, bị cáo T kháng cáo kêu oan nhưng không có đơn kêu oan và cho rằng không phạm các tội nêu trên mà do Tổng công ty Đ1 vi phạm trong việc quản lý sử dụng cầu, đường sắt. Nhưng không có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Văn G xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại phần bồi thường dân sự theo quy định pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo về hình phạt: Là không có cơ sở nên đề nghị giữ nguyên hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo.

Xét kháng cáo của các bị cáo và bà Nguyễn Thu H về mặt dân sự: Bản án sơ thẩm số 269/2019/HSST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tuyên bố buộc các bị cáo Phan Thế T, Trần Văn G và bị đơn dân sự bà Nguyễn Thu H có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Tổng công ty D91 số tiền 14.232.176.135 đồng (mười bốn tỷ, hai trăm ba mươi hai triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, một trăm ba lăm đồng) là không phù hợp với quy định của pháp luật. Về nguyên tắc chủ phương tiện là người phải bồi thường (Điều 600, Điều 601 Bộ luật Dân sự 2015). Bồi lẽ bị cáo G và chủ phương tiện không ký hợp đồng thuê phương tiện sử dụng mà bị cáo G chỉ là người làm công, không phải là người chiếm hữu, sử dụng phương tiện tàu kéo số hiệu SG-3745 đẩy xà lan số hiệu SG-5984. Bị cáo Phan Thế T và bị đơn dân sự bà Nguyễn Thu H mới là chủ sở hữu phương tiện nêu trên nên bị cáo T và bà H phải có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật, riêng đối với bị cáo G pháp luật không quy định phải bồi thường (trừ trường hợp có thỏa thuận khác).

Vì bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay nên để đảm bảo quyền kháng cáo của bị cáo T, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với phần dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm về phần dân sự, giao về cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung, không buộc bị cáo G phải có trách nhiệm liên đới bồi thường.

Xét kháng cáo bị đơn bà Nguyễn Thu H: Theo tài liệu hồ sơ có đủ căn cứ xác định tài sản tàu kéo số hiệu SG-3745 và xà lan số hiệu SG-5984 là tài sản chung của vợ chồng nên cấp sơ thẩm buộc bà H liên đới bồi thường là đúng pháp luật. Kháng cáo của bà không đồng ý bồi thường là không có căn cứ chấp nhận.

Ý kiến bào chữa của Luật sư Trần Hải Đ và Nguyễn Tấn T3 bào chữa cho bị cáo T:

Luật sư Trần Hải Đ: Quan nghiên cứu toàn bộ hồ sơ tôi cảm thấy còn băn khoăn vụ việc xảy ra không phải là vụ án mà là vụ tai nạn giao thông đường thủy. Qua diễn biến vụ việc thể hiện có dấu hiệu của sự cố bất ngờ, tàu bị tắt

máy khi khởi động lại được thì đã quá gần cầu không xử lý kịp, do dòng nước chảy xiết, cầu không có trụ chống va đập mới dẫn đến hậu quả nêu trên, thiệt hại do hội đồng định giá cũng không có căn cứ vững chắc, cáo trạng quy kết thiệt hại trên 14 tỷ chỉ là tiền thi công bảo dưỡng chứ không phải là thiệt hại, tổng công ty Đ1 đã thiếu trách nhiệm trong duy tu, sửa chữa nhưng cơ quan điều tra chưa làm rõ để quy trách nhiệm của đơn vị này.

Tại phiên toà sơ thẩm tôi đại diện cho bị cáo đã có đơn tố giác Tổng công ty Đ1 thiếu trách nhiệm nhưng cũng không được xem xét, giải quyết. Vì vậy, tôi đề nghị Toà phúc thẩm tuyên bị cáo Phan Thế T không phạm tội vì đây là sự cố bất ngờ nên trách nhiệm không thuộc về bị cáo.

Riêng về trách nhiệm dân sự đề nghị xem xét lại thiệt hại gây ra trong đó có trách nhiệm của Tổng công ty Đ1.

Ý kiến của Luật sư Nguyễn Tấn T3: Thông nhất quan điểm luật sư Đ và bổ sung thêm một số vấn đề sau đây, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Việc truy tố và xét xử bị cáo Phan Thế T về 02 tội danh nêu trên là chưa đủ cơ sở; tại cấp sơ thẩm luật sư đã đưa ra nhiều chứng cứ yêu cầu xác định lỗi của Tổng công ty Đ1 trong việc quản lý duy tu, sửa chữa cầu; bỏ lọt tình tiết tàu đột ngột tắt máy, không làm rõ là nguyên nhân dẫn đến tai nạn nêu trên, không đánh giá được nguyên nhân gây ra tai nạn là do lỗi của ai cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ nên tuyên phạt mức án 14 (mười bốn) năm tù đối với bị cáo T là vô cảm và buộc bồi thường thiếu căn cứ.

Từ những ý kiến bổ sung trên đề nghị Toà phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án để điều tra xét xử lại.

Ý kiến của luật sư Nguyễn Khánh T4: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn G theo Khoản 3 Điều 212 Bộ luật Hình sự và tuyên phạt 07 (bảy) năm tù là có căn cứ đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như cấp sơ thẩm đã nhận định. Đề nghị Toà phúc thẩm xem xét và tuyên phạt mức án dưới khung quy định.

Về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo G: cấp sơ thẩm buộc bị cáo G có trách nhiệm liên đới bồi thường với bị cáo Phan Thế T và bà Nguyễn Thu H tổng số tiền 14.232.176.135đ (Mười bốn tỷ, hai trăm ba mươi hai triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm ba mươi lăm đồng). Việc áp luật điều luật là đúng nhưng buộc đối tượng bồi thường là sai. Do đó, ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị huỷ phần dân sự là không cần thiết mà chỉ cần sửa, phần dân sự buộc bị cáo

Phan Thế T và bà H bồi thường là phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng không buộc bị cáo G phải có trách nhiệm bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị cáo Phan Thế T, Trần Văn G và bị đơn dân sự bà Nguyễn Thu H làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng điều luật và tội danh:

Khoảng 08 giờ, ngày 19 tháng 3 năm 2016, Phan Thế T là chủ sở hữu của tàu kéo số hiệu SG-3745, giao cho Trần Văn G, điều khiển tàu kéo số hiệu SG-3745 đẩy xà lan số hiệu SG-5984 chở cát từ sông C thuộc địa phận tỉnh T đến sông Đ thuộc địa phận tỉnh Đ. Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 3 năm 2016, G điều khiển tàu kéo số hiệu SG-3745, đẩy xà lan số hiệu SG-5984 chở cát đến khu vực Cầu Đ (cầu G) thuộc địa phận thành phố B, tỉnh Đồng Nai, đã để thành bên trái xà lan số hiệu SG. 5984 đã va chạm với mặt ngoài trụ cầu số 2 - cầu G làm sập cầu G, gây thiệt hại về tài sản trị giá là 14.232.176.135đ (Mười bốn tỷ, hai trăm ba mươi hai triệu, một trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm ba mươi lăm đồng).

Tại tòa các bị cáo khai nhận tội, phù hợp lời khai các tài liệu đã thu thập có tại hồ sơ. Xét án sơ thẩm xử bị Phan Thế T đã phạm các tội “Đưa vào sử dụng các phương tiện giao thông đường thủy không bảo đảm an toàn”, quy định tại khoản 3 Điều 214 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường thủy”, quy định tại khoản 3 Điều 215 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Bị cáo Trần Văn G đã phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy", quy định tại khoản 3 Điều 212 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm an toàn công cộng, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, làm thiệt hại cho các Công ty được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hành vi của các bị cáo Phan Thế T, Trần Văn G đã vi phạm Điều 8 của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Vì vậy việc xử

phạt nghiêm các bị cáo là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo:

[4.1] Về phần hình phạt

Khi lượng hình cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như sau: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo Phan Thế T tự nguyện nộp số tiền 30.000.000đ bồi thường một phần thiệt hại; gia đình bị cáo T là gia đình có công với cách mạng, có ông bác là Phan Thành T8 được Nhà nước tặng Huân chương chiến thắng hạng 3; bị cáo G có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo G thuộc thành phần lao động có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không biết chữ nên nhận thức pháp luật bị hạn chế; bị cáo G tự nguyện nộp số tiền 3.000.000đ bồi thường một phần thiệt hại. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo Phan Thế T 07 năm tù về tội “Đưa vào sử dụng các phương tiện giao thông đường thủy không bảo đảm an toàn” theo khoản 3 Điều 214 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), và 07 năm tù “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường thủy” khoản 3 Điều 215 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phan Thế T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 14 (mười bốn) năm tù; Trần Văn G 07 (bảy) năm tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy" là có căn cứ, phù hợp. Các bị cáo kháng cáo cho rằng án xử nặng tuy nhiên không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới đối với yêu cầu kháng cáo nên không chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Phan Thế T và Trần Văn G.

[4.2] Về phần bồi thường dân sự:

Phan Thế T cùng bà Nguyễn Thu H (vợ T) là đồng sở hữu: tàu kéo số hiệu SG-3745 (do T đứng tên trong giấy đăng ký phương tiện) và xà lan số hiệu SG-5984 (do bà H tên chủ phương tiện) tải trọng 980 tấn. T là người trực tiếp quản lý, sử dụng tàu kéo số hiệu SG-3745 và xà lan số hiệu SG-5984 để kinh doanh vận tải.

T biết Trần Văn G không có bằng thuyền trưởng nhưng vẫn thuê G làm việc và giao cho G điều khiển tàu kéo số hiệu SG-3745 đẩy xà lan số hiệu SG-5984 chở hàng từ khu vực miền T lên khu vực tỉnh B, Đ và ngược lại. Ngày 20 tháng 3 năm 2016, G điều khiển tàu kéo số hiệu SG-3745, đẩy xà lan số hiệu SG-5984 chở cát đến khu vực Cầu Đ (cầu G) thuộc địa phận thành phố B, tỉnh

Đồng Nai, đã để thành bên trái xà lan số hiệu SG. 5984 đã va chạm với mặt ngoài trụ cầu số 2 - cầu G làm sập cầu G, gây thiệt hại về tài sản trị giá là 14.232.176.135đ (Mười bốn tỷ, hai trăm ba mươi hai triệu, một trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm ba mươi lăm đồng).

Xà lan số hiệu SG: 5984 là phương tiện trực tiếp gây ra tai nạn, do không được gắn động cơ nên xà lan không thể tự di chuyển mà phải được kéo hoặc đẩy bởi tàu kéo có gắn động cơ mang số hiệu SG 3745. Khi đó xà lan và tàu kéo là một khối thống nhất trong lúc vận hành.

Điều 601 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về “Bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra”

“1. Nguồn nguy hiểm cao độ bao gồm phương tiện giao thông vận tải cơ giới, hệ thống tải điện, nhà máy công nghiệp đang hoạt động, vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, thú dữ và các nguồn nguy hiểm cao độ khác do pháp luật quy định. Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải vận hành, sử dụng, bảo quản, trông giữ, vận chuyển nguồn nguy hiểm cao độ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra; nếu chủ sở hữu đã giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng thì người này phải bồi thường, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”

Từ những căn cứ trên có thể xác định Xà lan số hiệu SG: 5984 là nguồn nguy hiểm cao độ theo Khoản 1 Điều 601 Bộ luật dân sự 2015.

Tàu kéo mang số hiệu SG 3475 do bị cáo Phan Thế T đứng tên sở hữu, xà lan SG 5984 do bà Nguyễn Thu H đứng tên sở hữu.

Bị cáo Trần Văn G là người không có giấy phép điều khiển phương tiện giao thông đường thủy, trực tiếp điều khiển tàu kéo số hiệu SG-3745 đẩy xà lan số hiệu SG-5984 gây ra tai nạn là trái pháp luật, vi phạm Điều 8 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014 bị cáo G phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

Bị cáo Phan Thế T biết rõ bị cáo G không có giấy phép điều khiển phương tiện giao thông đường thủy nhưng vẫn thuê bị cáo G giúp việc và phụ lái tàu dẫn đến tai nạn.

Căn cứ điểm b, tiêu mục 2, Phần III Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 thì bị cáo T giao nguồn nguy hiểm cao độ cho bị cáo G sử dụng không đúng quy định gây thiệt hại thì chủ sở hữu phải bồi thường thiệt hại.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 601 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Trần Văn G, bị cáo Phan Thế T và bị đơn dân sự bà Nguyễn Thu H liên đới bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty Đ1 số tiền là 14.232.176.000đồng (làm tròn số) là chưa phù hợp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không khắc phục được. Hội đồng xét thấy cần hủy bản án sơ thẩm về phần dân sự. Chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại để không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

Qua tranh luận ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Ý kiến của các luật sư bào chữa cho bị cáo T không phù hợp nên không được chấp nhận.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Văn G là có căn cứ nên được chấp nhận một phần.

[5] Về án phí: Do kháng cáo về hình phạt không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình phúc thẩm.

Về kháng cáo dân sự được chấp nhận nên các bị cáo và bà Nguyễn Thu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 và Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt, Hủy bản án sơ thẩm về phần dân sự.

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 214 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo: Phan Thế T 07 (bảy) năm tù về tội “Đưa vào sử dụng các phương tiện giao thông đường thủy không bảo đảm an toàn”.

2. Căn cứ vào khoản 3 Điều 215 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo : Phan Thế T 07 (bảy) năm tù về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường thủy”.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2, 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Buộc bị cáo Phan Thế T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 6 năm 2019 (nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 21/3/2016 đến ngày 20/3/2018).

4. Căn cứ vào khoản 3 Điều 212 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). khoản 2, 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo: Trần Văn G 07 (bảy) năm tù bị cáo về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy". Thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 6 năm 2019 (nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 21/3/2016 đến ngày 29/3/2018).

5. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 269/2019/HSST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa về phần bồi thường dân sự.

- Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa để xét xử lại.

-Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng do Trần Văn G đã nộp theo biên lai thu số 000223 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai và số tiền 30.000.000 đồng do bà Nguyễn Thu H đã nộp theo biên lai thu số 000224 ngày 16/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để đảm bảo thi hành án.

6. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Trần Văn G và Phan Thế T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự.

Bị cáo Phan Thế T, Trần Văn G và bà Nguyễn Thu H không phải chịu phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân TP.Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Công an TP.Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Biên Hòa;
- Phòng PV27 – Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Lượng